

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HS-PT
Ngày: 15-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Ông Vũ Đức Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Linh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 25/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Trần Thị H, do có kháng cáo của bị hại Phan Thị H1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 75/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu).

- *Bị cáo bị kháng cáo:* Trần Thị H, sinh năm 1980 tại tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên); Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản T, xã M, huyện MT, tỉnh Lai Châu (nay là Bản T, xã M, tỉnh Lai Châu); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đình L, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1957; Chồng: Chảo Văn B, sinh năm 1981 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/9/2024 đến ngày 07/10/2024 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh cho đến nay (Có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Phan Thị H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 05, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (nay là tổ 05, phường Đ, tỉnh Lai Châu) - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn A - Luật sư - Văn phòng Luật sư G - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội - Địa chỉ: Số 11 ngõ 81 phố H, phường Đ, Hà Nội (Có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Chảo Văn B, sinh năm 1981; Địa chỉ: Bản T, xã M, huyện MT, tỉnh Lai Châu (nay là Bản T, xã M, tỉnh Lai Châu) - Có mặt.

2. Ông Trần Nhật H2, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 28, tổ 06, phường T, quận Th, thành phố Hà Nội (nay là số 28, tổ 06, phường K, thành phố Hà Nội) - Có mặt.

- Những người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1970; Địa chỉ: Bản P, xã MT, huyện MT, tỉnh Lai Châu (nay là Bản P, xã MT, tỉnh Lai Châu) - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu 6, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu (nay là Khu 6, xã TU, tỉnh Lai Châu) - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Chu Văn H5, sinh năm 1990; Địa chỉ: Bản T, xã M, huyện MT, tỉnh Lai Châu (nay là bản T, xã M, tỉnh Lai Châu) - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị H và chồng là Chảo Văn B mở cửa hàng tạp hóa tại bản T, xã M, huyện MT, tỉnh Lai Châu (nay là bản T, xã M, tỉnh Lai Châu). Trong quá trình kinh doanh, vợ chồng Trần Thị H đã bán hàng cho Trần Nhật H2 và cho nợ số tiền 5.622.000 đồng. Mặc dù đã nhiều lần đòi nhưng H2 vẫn chưa trả.

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 19/5/2024, vợ chồng H đang bán hàng tại cửa hàng nhà mình, H2 đến để bàn bạc về việc trả nợ. H2 nói do đang gặp khó khăn nên chỉ có thể trả trước 3.000.000 đồng, số còn lại 2.622.000 đồng sẽ trả khi nhận được tiền từ công trình. Tuy nhiên, vợ chồng H không đồng ý dẫn đến tranh cãi.

Sau đó, H2 gọi điện cho vợ là Phan Thị H1 đến cửa hàng để cùng giải quyết. Khoảng 15 phút sau, H1 nhờ người điều khiển xe máy Honda Click, biển kiểm soát 25F4-08** (xe H1 mượn của Nguyễn Thanh T) chở đến cửa hàng vợ chồng H. Tại đây, vợ chồng H2 tiếp tục đề nghị trả trước số tiền 3.000.000 đồng và xin nợ số tiền còn lại nhưng vợ chồng H vẫn không chấp nhận nên cuộc tranh cãi tiếp tục căng thẳng.

Lúc này, Trần Thị H tuyên bố nếu không trả đủ tiền thì sẽ giữ chiếc xe máy. Sau đó, H đi ra trước cửa hàng, rút chìa khóa xe máy của H1 và đặt lên tủ kính bán hàng. Thấy vậy, vợ chồng H1 can ngăn yêu cầu trả lại chìa khóa nhưng H không đồng ý dẫn đến xô xát. Trong lúc cãi vã, H1 có hành vi chỉ tay vào mặt và thách thức H. Ngay sau đó, H dùng hai tay tóm cổ áo H1 siết mạnh rồi dúi đầu H1 xuống đất.

Chứng kiến sự việc, H2 lấy điện thoại OPPO F9, màu xanh nước biển ra quay video. Thấy vậy, H lập tức buông H1 ra và giật lấy điện thoại của H2 rồi đặt điện thoại lên tủ kính bên cạnh chỗ H2 đứng với mục đích ngăn H2 quay video và phát tán lên mạng, gây ảnh hưởng đến việc kinh doanh của gia đình mình rồi quay ra tiếp tục tranh cãi với H1.

Sau đó, vợ chồng H1 đi về phía bản P, trên đường đi H1 liên tục đưa ra những lời lẽ khiêu khích. Do bức tức, H vào cửa hàng lấy 01 cây gậy bằng song mây, dài 68cm, đường kính 3,5cm đã khô đuổi theo. Khi đến đoạn đường cách cửa hàng khoảng 20m, H dùng gậy đánh 02 phát vào vùng lưng phía vai trái của

H1. Sau đó, H kẹp cây gậy vào nách, tiếp tục xông vào túm cổ áo H1 ghì mạnh, khiến vùng cổ bị trầy xước, tổn thương da với kích thước 02cm x 03cm. Trong lúc giằng co, H thò tay vào túi quần H1 giật điện thoại OPPO A3S màu đỏ, H1 cố giữ nhưng bị H giật mạnh làm rách túi quần.

Sau khi lấy điện thoại, H quay lại cửa hàng dắt chiếc xe Honda Click của H1 vào nhà kho đối diện cửa hàng để cất giữ với mục đích đề yêu cầu vợ chồng H1 trả hết số tiền nợ còn lại. Vợ chồng H1 đi về cầu P và sau đó gọi điện trình báo Công an, Công an đã thu giữ toàn bộ vật chứng tại cửa hàng của H.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 97/KLTTCT-TTPYLC ngày 31/5/2024 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Lai Châu kết luận: Vùng cổ lệch phải của Phan Thị H1 có vết biến đổi rối loạn sắc tố da kích thước dài 1,3cm, rộng 0,3cm; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của H1 tại thời điểm giám định là 01%; cơ chế hình thành thương tích và vật gây thương tích: Do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Tại kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 30/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện MT kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Click, biển kiểm soát 25F4-08** có trị giá 6.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A3S, màu đỏ có trị giá 1.200.000 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F9, màu xanh nước biển có trị giá 600.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 75/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu) đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội: "Cướp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 03 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện MT, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo chuyển nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 Luật Thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

Ngoài ra bản án còn quyết định về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/5/2025, bị hại Phan Thị H1 có đơn kháng cáo bản án số 75/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Lai Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu) với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm: Xem xét giải quyết lại toàn bộ nội dung vụ án, đúng sự thật của vụ án; xem xét đối với Chảo Văn B đã có hành vi giật điện thoại của Trần Nhật H2 (không phải bị cáo H giật điện thoại của H2), bản án không nêu rõ bị cáo Trần Thị H đã xé rách quần làm nhục H1; buộc bị cáo

Trần Thị H phải bồi thường thiệt hại, uy tín, nhân phẩm, sức khỏe do bị cáo H gây ra đối với H1; chuyển hình phạt 03 năm tù cho hưởng án treo thành 03 năm tù giam đối với bị cáo Trần Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại Phan Thị H1 trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới; Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo H dùng gậy song mây đánh H1 là không đúng vì H1 nhìn thấy gậy màu đen, tuy nhiên gậy đó bằng chất liệu cụ thể gì H1 không nhìn rõ; bị cáo H là người xé quần của H1 chứ không phải giật điện thoại làm rách quần; khi H1 xuống nhà bị cáo H thấy chồng là Trần Nhật H2 đang bị giữ ở trong nhà và Chảo Văn B là người giật điện thoại của H2; Kết luận giám định tổn thương cơ thể đối với H1 và kết luận định giá tài sản, H1 hoàn toàn nhất trí; Về yêu cầu bồi thường thiệt hại, H1 thừa nhận tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm H1 không yêu cầu. Tuy nhiên sau khi nhận bản án sơ thẩm H1 suy nghĩ lại nên yêu cầu bị cáo H phải bồi thường thiệt hại đã được nêu trong đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, H1 yêu cầu bị cáo H bồi thường cho H1 tổng cộng 100.000.000 đồng, trong đó về sức khỏe là 50.000.000 đồng, bộ quần áo bị rách (đã thu giữ) và uy tín, danh dự, nhân phẩm là 50.000.000 đồng.

Bị cáo Trần Thị H trình bày diễn biến, hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm, bị cáo là người giật điện thoại của Trần Nhật H2 với mục đích để không cho H2 quay video. Về hình phạt, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phan Thị H1. Về trách nhiệm dân sự, chỉ chấp nhận bồi thường cho bị hại H1 tổng cộng 10.000.000 đồng.

Ông Chảo Văn B trình bày diễn biến sự việc phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm, bị cáo Trần Thị H là người giật điện thoại của Trần Nhật H2 vì lúc đó H2 đang quay video.

Ông Trần Nhật H2 trình bày: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 19/5/2024 ông đi xe máy xuống cửa hàng gia đình bị cáo H trả tiền nợ và xin trả trước 3.000.000 đồng, còn lại 2.622.000 đồng xin nợ vì công trình mới được thanh toán 70% giá trị. Tuy nhiên, bị cáo H và chồng là Chảo Văn B không nhất trí, B sập cửa xuống và yêu cầu ông trả đủ tiền nợ, nếu không trả đủ thì không cho ra khỏi nhà và chửi bới, lăng mạ ông. Do đó, ông có gọi điện thoại cho vợ là Phan Thị H1 xuống và diễn biến sự việc đúng như lời khai của H1. Ông đang cầm điện thoại trên tay thì Chảo Văn B giật. Do đó, ông cho rằng bị cáo H phải chịu thêm tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật hình sự do đã gây thương tích cho H1 01%, xem xét Chảo Văn B là người giật điện thoại của ông và đóng sập cửa không cho ông ra khỏi nhà nếu không trả đủ tiền. Ngoài lời trình bày trên, ông không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa và nội dung trong đơn xét xử vắng mặt, những người làm chứng giữ nguyên lời khai không có nội dung gì khác so với cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo và chủ thể kháng cáo, thời hạn kháng cáo đảm bảo theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không

chấp nhận kháng cáo của bị hại Phan Thị H1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì: Bị hại Phan Thị H1 kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới; bị cáo Trần Thị H có hành vi dùng vũ lực để giật điện thoại trong túi quần bị hại H1, hậu quả làm rách túi quần nên không coi đó là làm nhục; kết quả điều tra không có căn cứ chứng minh Chảo Văn B có hành vi giật điện thoại của Trần Nhật H2, kết quả điều tra đủ căn cứ xác định H2 dùng điện thoại quay video khi H và H1 tranh cãi nên H giật để không cho H2 tiếp tục quay video; về yêu cầu bồi thường thiệt hại, trong quá trình điều tra bị hại có yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe, kinh tế, tinh thần (không có số tiền cụ thể) và không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh, tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm bị hại không đề nghị bồi thường nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo và bị hại không thỏa thuận được với nhau về yêu cầu này, căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại H1, H1 có quyền làm đơn khởi kiện bồi thường thiệt hại trong vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự; về hình phạt đối với bị cáo H, xét thấy tính chất, mức độ, hậu quả và nguyên nhân bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H 03 năm tù cho hưởng án treo là có căn cứ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Phan Thị H1 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng chuyển hình phạt 03 năm tù cho hưởng án treo thành 03 năm tù giam và kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ Chảo Văn B có hành vi giật chiếc điện thoại của Trần Nhật H2 có trị giá 600.000 đồng với lý do: Ngày 19/5/2024, Trần Nhật H2 tự nguyện xuống nhà bị cáo H để trả tiền mua hàng nợ, trả nợ và khát nợ là chuyện bình thường, H2 đã trao đổi xin khát nợ vì công trình còn nợ 30%; đối với tổng số tiền chiếm đoạt cấp sơ thẩm chưa tính giá trị chiếc điện thoại của H2 là 600.000 đồng và số tiền trong cốp xe máy Honda Click, biển kiểm soát 25F4-08** là 20.000.000 đồng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H chưa thành khẩn nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có cơ sở; bị cáo H dùng gây tấn công bị hại H1 là có tính chất côn đồ, bị cáo H thực hiện ít nhất là 02 lần cướp tài sản (01 lần cướp xe máy, 01 lần cướp điện thoại) nên thuộc tình tiết tăng nặng theo điểm d, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xem xét B có tham gia giật điện thoại của H2 không, nếu H giật của H2 thì Huệ phải chịu trách nhiệm tổng là 03 lần cướp tài sản.

Bị hại Phan Thị H1 nhất trí với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không bổ sung gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình

sự; không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị hại Phan Thị H1 nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo là hợp lệ.

Tại phiên tòa, những người làm chứng Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị H4 và Chu Văn H5 vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy những người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định ông Trần Nhật H2 và ông Chảo Văn B với tư cách là người làm chứng là chưa chính xác vì: Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra có thu giữ 01 điện thoại OPPO F9 màu xanh nước biển của Trần Nhật H2, hiện đã trả lại; thu giữ của Chảo Văn B 01 chiếc đầu thu camera, bản án sơ thẩm đã quyết định trả lại cho ông B. Lẽ ra cấp sơ thẩm cần xác định các ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án mới đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy các tài sản trên đã trả lại cho các ông và các ông đều không có ý kiến gì, do đó các thiếu sót trên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị H trình bày nguyên nhân, diễn biến hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản xác định hiện trường, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở để kết luận: Xuất phát từ việc Trần Nhật H2, chồng của bị hại Phan Thị H1 có nợ tiền mua hàng của vợ chồng bị cáo Trần Thị H nên dẫn đến tranh cãi giữa các bên. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 19/5/2024, tại bản T, xã M, huyện MT, tỉnh Lai Châu (nay là bản T, xã M, tỉnh Lai Châu), trong quá trình tranh cãi về việc trả nợ giữa vợ chồng H1 với Trần Thị H. H đã có hành vi dùng tay túm cổ áo H1 ghì mạnh làm vùng cổ bị trầy xước và dùng gậy song mây dài 68cm, đường kính 3,5cm đã khô đánh 02 phát vào vùng lưng phía vai trái của H1, hậu quả H1 bị thương tích tại vùng cổ với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%, đồng thời đã chiếm đoạt của H1 01 xe máy nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 25F4-08** trị giá 6.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S trị giá 1.200.000 đồng. Tổng cộng H đã chiếm đoạt của H1 là 7.200.000 đồng.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Trần Thị H phạm tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4]. Xét kháng cáo của bị hại Phan Thị H1:

Về yêu cầu giải quyết lại toàn bộ nội dung vụ án, đúng sự thật của vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa bị cáo Trần Thị H trình bày diễn biến, nội dung sự việc phù hợp với tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Bị hại Phan Thị H1 cho rằng nội dung vụ án theo bản án sơ thẩm không đúng sự thật nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Hơn nữa, bị hại H1 cũng hoàn toàn nhất trí với bản kết luận giám định thương tích đối với H1 và kết luận định giá tài sản. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện hành vi cướp tài sản của H đối với H1 đã được cấp sơ thẩm chứng minh làm rõ, đảm bảo khách quan, toàn diện và đúng pháp luật.

Về yêu cầu xem xét đối với Chảo Văn B đã có hành vi giật điện thoại của Trần Nhật H2 (không phải bị cáo H giật điện thoại của H2), bản án không nêu rõ bị cáo Trần Thị H đã xé rách quần làm nhục H1. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người làm chứng không có cơ sở kết luận Chảo Văn B là người giật điện thoại của H2 và không có căn cứ để khẳng định bị cáo H xé rách quần làm nhục H1. H1 bị rách túi quần là do bị cáo H và H1 giằng co trong quá trình H cướp điện thoại trong túi quần H1, hành vi đó đã phạm vào tội “Cướp tài sản” như cấp sơ thẩm đã quy kết, do đó không có cơ sở chấp nhận H xé rách quần làm nhục H1.

Về yêu cầu bị cáo Trần Thị H phải bồi thường thiệt hại cho Phan Thị H1 với tổng số tiền 100.000.000 đồng, trong đó: Về sức khỏe là 50.000.000 đồng, bộ quần áo bị rách (đã thu giữ) và uy tín, danh dự, nhân phẩm là 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ lời khai của bị hại H1 tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm thể hiện: Tại cơ quan điều tra, bị hại H1 có yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe, kinh tế, tinh thần nhưng không nêu số tiền cụ thể và không cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh. Tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị hại H1 không đề nghị bồi thường nên cấp sơ thẩm không đề cập giải quyết là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo H và bị hại H1 không thỏa thuận được với nhau về bồi thường thiệt hại. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm theo Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự, cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết đối với phần này. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại H1, Hội đồng xét xử cần tách phần dân sự ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự, khi có yêu cầu.

Về yêu cầu chuyển hình phạt 03 năm tù cho hưởng án treo thành 03 năm tù giam đối với bị cáo Trần Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo H là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chuyển hình phạt 03 năm tù cho hưởng án treo thành 03 năm tù giam và kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ Chảo Văn B có hành vi giật chiếc điện thoại của Trần Nhật H2. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo có lỗi một phần của bị hại; mục đích bị cáo H chỉ giữ xe máy nhằm mục đích để H2 trả tiền, bị cáo H không biết trong cốp xe có 20.000.000 đồng cho đến khi cơ quan Công an xã M đến thu giữ và mở cốp xe kiểm tra thì H mới biết trong cốp xe có tiền, do đó bị cáo H không phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền này; H giật điện thoại của H2 nhằm ngăn cản không cho H2 quay video và phát tán lên mạng xã hội làm ảnh hưởng đến công việc của gia đình H, khi giật không có hành vi

dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực đối với H2 nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với H về hành vi này; lời khai của bị cáo H tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án nên thỏa mãn điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo H dùng gây đánh H1 vào lưng - là một trong những hành vi dùng vũ lực tấn công để cướp tài sản của H1 nên không phải chịu tình tiết tăng nặng “có tính chất côn đồ” theo điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo H thực hiện hành vi cướp xe máy và điện thoại của H1 thuộc trường hợp liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian nên không thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người tham gia tố tụng không có căn cứ kết luận Chảo Văn B giật điện thoại của Trần Nhật H2.

Đối với ý kiến của ông Trần Nhật H2 cho rằng H phải chịu thêm tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật hình sự; xem xét Chảo Văn B là người giật điện thoại của ông và đóng sập cửa không cho ông ra khỏi nhà nếu không trả đủ tiền, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ kết luận giám định tổn thương cơ thể số 97/KLTTCT -TTPYLC ngày 31/5/2024 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Lai Châu kết luận: H1 bị thương tích 01% tại vùng cổ, không có thương tích vùng lưng và tại phiên tòa, bị hại H1 cũng hoàn toàn nhất trí với kết luận giám định thương tích trên. Căn cứ kết quả điều tra có đủ cơ sở khẳng định, H1 bị thương tích tại vùng cổ là do bị cáo H dùng tay túm cổ áo H1 ghì mạnh, bị cáo H dùng gây vệt lưng H1 02 cái, sau đó hai bên tiếp tục giằng co và H dùng tay cướp điện thoại trong túi quần H1 dẫn đến rách túi quần của H1. Do đó, hành vi của H gây thương tích cho bị hại H1 tại vùng cổ là 01% nhằm mục đích cướp tài sản, không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, không có căn cứ chứng minh ông Chảo Văn B là người đóng sập cửa yêu cầu H2 trả đủ tiền mới cho ra khỏi nhà và giật điện thoại của H2 đang cầm trên tay.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy những nội dung liên quan đến việc đánh giá tài liệu, chứng cứ trong vụ án đã được cấp sơ thẩm làm rõ, đúng quy định của pháp luật, Cơ quan điều tra không chứng minh được có người khác phạm tội. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại H1, không có căn cứ chấp nhận quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, ý kiến của ông Trần Nhật H2.

[5]. Về vật chứng: Về vật chứng là quần áo của bị hại Phan Thị H1 mà Cơ quan điều tra đã thu giữ, cấp sơ thẩm tuyên tịch thu tiêu hủy. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của bị hại H1 nên cần trả lại cho H1 theo điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, do đó cấp phúc thẩm cần sửa nội dung này.

[6]. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phan Thị H1 là có căn cứ, tuy nhiên cần sửa phần dân sự, vật chứng như đã phân tích tại đoạn 3 mục [4] và [5] nêu trên.

[7]. Về án phí: Bị cáo Trần Thị H, bị hại Phan Thị H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 345, Điều 351, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phan Thị H1, sửa một phần bản án sơ thẩm số 75/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu) về phần dân sự, vật chứng cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội: "Cướp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 03 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/4/2025). Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện MT, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Lai Châu) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp bị cáo chuyển nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự, khi có yêu cầu.

3. Về vật chứng: Trả lại cho bị hại Phan Thị H1 01 quần dài màu xanh than; 01 áo dài tay kẻ caro xanh, trắng. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu ngày 17/3/2025).*

4. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị H, bị hại Phan Thị H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/8/2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 4- Lai Châu;
- TAND khu vực 4 - Lai Châu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo; Bị hại; NCQL, NVLQ;
- Ủy ban nhân dân xã M;
- Lưu.

Phan Thị Phương